

T.A.N.D HUYỆN T
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/HSST

Ngày: 25/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh N

Các H thẩm nhân dân: - Ông Lương Văn K

- Ông Đào Văn N

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị P -Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Trần Văn M - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2025/HSST/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXX-HS ngày 12 tháng 3 năm 2025 đối với:

Bị cáo: TRẦN VĂN Đ, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Số nhà 482 đường Tr, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Nghề nghiệp: Kinh doanh; Giới tính: N; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt N; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Trần Văn Ch và bà Lều Thị H; Có vợ: Đào Thị M; Có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/12/2024 đến 10/12/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T.

“ Bị cáo có mặt tại phiên tòa ”.

Bị hại: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1939 “đã chết”

Người đại diện hợp pháp cho bà Th:

- Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm: 1961 “là con trai”. Có mặt.

Trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Bùi Bạch Kim L, sinh năm 2004. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 33, đường N, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

***Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1961. Có mặt.
- Chị Trần Thanh V, sinh năm 1977. Có mặt.
- Anh Lại Thế C, sinh năm 1978. Có mặt.
- Ông Vũ Công N, sinh năm 1943. Có mặt.
- Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1964. Có mặt.
- Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1987. Có mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Đào Quý H, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1957. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố A, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Đào Thị M, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 482 Tr, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 01/12/2024, Trần Văn Đ điều khiển xe ô tô tải, biển số 89C -139.10 đi đến ngã ba đường bê tông trong làng thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện T thì điều khiển xe ô tô đi sát vào lề đường bên phải để tránh xe ngược chiều và rẽ phải về hướng Ủy ban nhân dân xã T. Trong lúc chuyển hướng, do không chú ý quan sát nên thanh sắt xi bên phải xe ô tô do Đ điều khiển đã va chạm vào vùng lưng, mông của bà Trần Thị Th, sinh năm 1939 đang ngồi nhặt rau ở rìa đường làm bà Th ngã ra đường. Xe ô tô do Đ điều khiển bị nảy lên trên mặt đường, đồng thời phát ra tiếng “Uỳnh” ở phía sau xe thì Đ biết xe ô tô đã va chạm vào vật gì đó nhưng không dừng xe lại kiểm tra mà tiếp tục điều khiển xe đi tiếp khoảng 50m thì dừng lại và xuống xe. Lúc này, chị Hoàng Thị D (là con dâu bà Th) thấy bà Th bị ngã, nằm trên đường nên hô hoán nhờ mọi người đến giúp. Cháu Nguyễn Thế A, (là cháu của bà Th) đang ở trong nhà nghe thấy tiếng hô hoán nên chạy ra bế bà Th vào trong nhà rồi chạy đến chỗ Đ đang đứng hỏi “*vừa anh có thấy xe ô tô nào chạy qua không, hình như có xe đâm vào bà em*” thì Đ trả lời là “không”. Cùng lúc này, anh Bùi Bạch Kim L, sinh năm 2004, hộ khẩu thường trú: Số nhà 33 đường N, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên và anh Đoàn Văn H, sinh năm 1984, hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã P N, thành phố H, tỉnh Hưng Yên đi đến, Đ hỏi anh L “*ở kia có tai nạn à*” thì anh L trả lời “*hình như thế bác ạ*”. Lúc này, Đ xác định xe ô tô do mình điều khiển đã va chạm với bà Th nên nói với L “*thôi không bàn ghế gì*

nữa, mày đánh xe ô tô về cho bác để bác quay lại xem thế nào” rồi đi bộ lại ngã ba thì nghe mọi người xung quanh nói bà Th bị tai nạn. Đ đi vào trong nhà bà Th thấy mọi người bảo gọi xe đưa bà Th đi Bệnh viện cấp cứu thì Đ đi bộ về Công ty An Huy. Do muốn trốn tránh trách nhiệm nên khi về đến Công ty, Đ gọi L lại và nói “nếu có ai hỏi thì cháu cứ bảo cháu là người điều khiển xe biển số 89C-139.10 nhé”, mục đích nhờ L nhận thay mình là người điều khiển xe gây tai nạn, đồng thời kể lại toàn bộ diễn biến của sự việc cho L biết thì L đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry, biển số 89A-326.92 chở bà Th đến Trung tâm y tế huyện T cấp cứu. Hậu quả: Bà Th chết. Khi Đ ở trung tâm y tế huyện T biết bà Th đã chết nên gọi điện tiếp tục nhờ L “nếu có ai hỏi thì cháu cứ nhận cháu là người điều khiển xe nhé” thì L đồng ý và trả lời “Vâng”. Sau đó Đ điều khiển xe ô tô chở thi thể bà Th về nhà.

Ngày 04/12/2024, bị cáo đến Công an huyện T đầu thú, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành lập biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm xe ô tô BKS: 89C-139.10 và biên bản khám nghiệm tử thi đối với bà Trần Thị Th.

Tại bản kết luận giám định tử thi số 249/KLGĐTT-PC09 ngày 06/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hưng Yên đối với tử thi bà Trần Thị Th thể hiện: Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não, vỡ xương hộp sọ; Thể loại chết: Không tự nhiên.

** Về trách nhiệm dân sự:* Sau khi xảy ra sự việc bị cáo Đ đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 400.000.000 đồng. Gia đình người bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường đồng thời xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

** Về vật chứng của vụ án:*

-01 xe ô tô tải thùng kín, nhãn hiệu Thaco, màu xanh, biển số 89C-139.10, số khung RNHA500BKHC034615, số máy JT-716322 là tài sản hợp pháp của bị cáo Trần Văn Đ. Ngày 10/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện T đã trả lại chiếc xe trên cho Đ.

- 01 giấy phép lái xe số 330111009473 hạng B2 mang tên Trần Văn Đ; 01 phong bì niêm phong ký hiệu S, bên trong có 01 USB, nhãn hiệu Kingston, màu bạc, dung lượng 4GB. Hiện đang được lưu trữ, bảo quản trong hồ sơ vụ án.

Đối với Bùi Bạch Kim L: Quá trình điều tra ban đầu L có hành vi khai báo gian dối, khai nhận mình là người điều khiển xe ô tô, biển số 89C-139.10 gây tai nạn cho bà Th, đã gây khó khăn, cản trở hoạt động điều tra, xác minh ban đầu. Sau đó L đã thay đổi khai nhận Đ mới là người điều khiển xe ô tô, biển số 89C-139.10 gây tai nạn cho bà Th. Tại thời điểm L thay đổi lời khai thì vụ việc vẫn đang trong quá trình xác minh, chưa làm rõ được người điều khiển xe ô tô, biển số 89C-139.10 gây tai nạn giao thông. Việc L thay đổi lời khai là một trong những căn cứ làm rõ Đ là người điều khiển xe ô tô gây tai nạn. Hành vi của L

không phạm tội Khai báo gian dối nhưng đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Pháp lệnh số 02/2022/UBTVQH ngày 18/08/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc H. Ngày 10/02/2025, Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính đối với L, hình thức Cảnh cáo.

Quá trình điều tra, bị cáo Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Sau sự việc xảy ra, bị cáo đã đến Công an huyện T đầu thú, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 37/CT-VKS - TL ngày 07/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Trần Văn Đ về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

***Tại phiên tòa hôm nay:** Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo nhận thức được hậu quả do hành vi mà mình đã gây ra nên đã khắc phục hậu quả bồi thường tổn thất cho gia đình người bị hại tổng số tiền là 400.000.000 đồng.

Đại diện gia đình người bị hại đã nhận đủ số tiền trên và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đồng thời không đề nghị gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Đ phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

- Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Đ 03(ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05(năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo về UBND phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

- Trách nhiệm dân sự: Các bên đã tự giải quyết với nhau xong và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Vật chứng:

+ Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số 330111009473 hạng B2 mang tên Trần Văn Đ.

+ 01 phong bì niêm phong ký hiệu S, bên trong có 01 USB, nhãn hiệu Kingston, màu bạc, dung lượng 4GB lưu hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Trần Văn Đ tự bào chữa: Nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T xác định bị cáo phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại lời khai có trong hồ sơ vụ án, người đại diện hợp pháp cho bị hại là anh Nguyễn Hữu N và gia đình xác định vụ việc tai nạn là điều không mong muốn, bị cáo đã thành khẩn khai báo nhận ra lỗi của mình, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình nên đề nghị giảm mức hình phạt thấp nhất đối với bị cáo, không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA H ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp cho người bị hại anh Nguyễn Hữu N (là con trai bà Th), người làm chứng chị Hoàng Thị D (là con dâu bà Th) và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 01/12/2024; Biên bản khám nghiệm phương tiện xe ô tô BKS 89C - 139.10; giám định tử thi số 249/KLGĐTT-PC09 ngày 06/12/2024 và kết luận giám định số 20/KL-KTHS (KTS) ngày 09/02/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Hưng Yên về giám định 04 file video trong USB; Kết luận giám định số 9829/KL-KTHS ngày 10/01/2025 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an đối với mẫu tóc thu được trên xe ô tô biển số 89C-139.10 và mẫu chất màu nâu đỏ thu được tại hiện trường; Biên bản nhận dạng người qua ảnh của những người làm chứng anh Nguyễn Đức T, chị Trần Thanh V và anh Lại Thế C đã nhận dạng bị cáo là người điều khiển xe ô tô BKS 89C.139.10. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 01/12/2024, tại ngã ba

đường bê tông liên thôn, thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên, Trần Văn Đ điều khiển xe ô tô tải, biển số 89C-139.10 hướng thôn L, xã T đi Ủy ban nhân dân xã T, do chuyển hướng rẽ phải không chú ý quan sát đã va chạm với bà Trần Thị Th đang ngồi ở rìa đường. Sau khi gây tai nạn, để trốn tránh trách nhiệm Đ tiếp tục điều khiển xe rời khỏi hiện trường và nhờ Bùi Bạch Kim L nhận là người điều khiển xe gây tai nạn. Vụ việc đang trong quá trình điều tra xác minh làm rõ, bị cáo đã đến công an huyện đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình dẫn đến hậu quả của vụ tai nạn: Bà Th bị thương được đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện T, sau đó chết.

Hành vi chuyển hướng khi chưa đảm bảo điều kiện an toàn gây tai nạn giao thông của bị cáo đã vi phạm khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số: 09/2013/TTLT - BCA - BQP - BTP - VKSNDTC - TANDTC ngày 28/8/2013. Sau khi xảy ra tai nạn bị cáo đã điều khiển xe khỏi hiện trường và nhờ L nhận là người điều khiển xe ô tô BKS 89C. 139.10 nhằm trốn tránh trách nhiệm nên bị cáo đã phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, bị cáo phạm tội do lỗi vô ý. Khi chuyển hướng xe ô tô, bị cáo không tuân thủ các quy định của luật giao thông đường bộ, không chú ý quan sát nên đã gây tai nạn giao thông dẫn đến chết 01 người, sau đó bỏ chạy và nhờ người khác nhận là người điều khiển xe thay mình để trốn tránh trách nhiệm nhưng sau đó bị cáo đã đầu thú tại cơ quan điều tra Công an huyện T.

Tuy nhiên, xét nguyên nhân và lỗi dẫn đến tai nạn giao thông: Người bị hại là bà Th đã ngồi nhặt rau bên lề đường giao thông nơi các phương tiện giao thông thường xuyên qua lại, là nơi có nguy cơ gây lên va chạm nên đã xảy ra việc xe của bị cáo va quệt gây tử vong cho bà Th. Do vậy, khi xem xét hình phạt hội đồng xét xử cũng cân nhắc cần tuyên phạt bị cáo một mức hình phạt nhất định tương xứng và phù hợp với mức độ lỗi mà bị cáo đã gây ra. Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, đặc điểm nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo hiện nay để ra một bản án có tính răn đe giáo dục đối với bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

[4]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội, bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước ở nơi làm việc và nơi cư trú. Bị cáo có nhân thân tốt. Không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường,

khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại, đại diện gia đình người bị hại là anh N xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, anh N xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương; Bị cáo đến cơ quan Công an đầu thú; Ông nội của bị cáo là ông Trần Công U hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước và được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen Tổ quốc ghi công; Bị cáo được UBND xã T tặng Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong việc xây dựng nông thôn mới tại xã T nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội do lỗi vô ý, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, ông nội bị cáo được tặng bằng Tổ quốc ghi công, bị cáo có thành tích trong việc xây dựng nông thôn mới, người đại diện hợp pháp cho bị hại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách, giao bị cáo cho UBND xã nơi bị cáo cư trú, giám sát giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và những người đại diện gia đình bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong. Người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu, đề nghị gì. Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo và đại diện gia đình bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy bị cáo không hành nghề lái xe, phạm tội do lỗi vô ý nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về vật chứng của vụ án:

- 01 xe ô tô tải thùng kín, nhãn hiệu Thaco, màu xanh, biển số 89C-139.10 là tài sản hợp pháp của bị cáo. Ngày 10/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại chiếc xe trên cho Trần Văn Đ nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- 01 giấy phép lái xe số 330111009473 hạng B2 mang tên Trần Văn Đ xét thấy bị cáo không hành nghề lái xe nên trả lại cho bị cáo;

- 01 phong bì niêm phong ký hiệu S, bên trong có 01 USB, nhãn hiệu Kingston, màu bạc, dung lượng 4GB xét thấy đây là dữ liệu liên quan đến vụ án nên cần lưu trong hồ sơ vụ án.

[8]. Đối với anh Bùi Bạch Kim L: L có hành vi khai báo gian dối, khai nhận mình là người điều khiển xe ô tô, biển số 89C-139.10 gây tai nạn cho bà Th do cơ quan điều tra xác minh ban đầu. Trong quá trình xác minh của vụ án L đã thay đổi khai nhận Đ mới là người điều khiển xe ô tô BKS 89C-139.10 gây tai nạn cho bà Th. Như vậy Hành vi của L không phạm tội khai báo gian dối nhưng đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Pháp lệnh số 02/2022/UBTVQH ngày 18/08/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính đối với L, hình thức Cảnh cáo là đúng pháp luật.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 03(ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05(năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên quản lý, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019 .

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

5. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét giải quyết.

6. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo 01 giấy phép lái xe số 330111009473 hạng B2 mang tên Trần Văn Đ;

7. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Văn Đ phải chịu 200.000đồng(Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai có mặt bị cáo; Người đại diện hợp pháp của người bị hại. Vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp cho người bị hại biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T;
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THA

Nguyễn Minh N